

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2019

### KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra chuyên đề xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trong hoạt động khai thác, sử dụng đá vôi tại mỏ đá vôi xi măng núi Trầu, núi Còm, xã Hòa Điền và xã Dương Hòa, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang của Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1

Thực hiện Quyết định thanh tra số 624/QĐ-ĐCKS ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam về việc thanh tra chuyên đề xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế tại một số mỏ đá vôi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, từ ngày 09 tháng 9 năm 2019, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật khác có liên quan trong hoạt động khai thác và sử dụng đá vôi tại mỏ đá vôi núi Trầu, núi Còm, xã Hòa Điền và xã Dương Hòa, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang đối với Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra của Trưởng Đoàn thanh tra và biên bản làm việc lập ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Đoàn thanh tra, Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam kết luận như sau:

#### I. KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 (sau đây gọi tắt là Công ty); địa chỉ trụ sở chính tại số 360 Bến Chương Dương, phường Cầu Kho, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Lưu Đình Cường, Tổng Giám đốc Công ty; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số 0301446422, thay đổi lần thứ 15, ngày 04/5/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty khai thác đá vôi theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1272/GP-ĐCKS ngày 29/5/2002 do Bộ Công nghiệp (trước đây) cấp tại các khối trữ lượng 1-C<sub>1</sub>, 2-C<sub>1</sub> mỏ Núi Còm và các khối 2-C<sub>1</sub>, 3-C<sub>1</sub> một phần 1-C<sub>1</sub> mỏ Núi Trầu thuộc xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang; trữ lượng được phép khai thác 32.300.000 tấn; mức sâu khai thác -35 m; diện tích khu vực khai thác 43,68 ha trong đó khu vực Núi Còm là 20,97 ha, khu vực Núi Trầu là 22,71 ha; công suất khai thác 1.700.000 tấn/năm; thời hạn khai thác 19 năm kể từ ngày ký Giấy phép. Ngày 02/8/2019, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cấp lại Giấy phép khai thác khoáng sản số 2017/GP-BTNMT (thay thế Giấy phép số 1272/GP-ĐCKS ngày 29/5/2002 nêu trên), diện tích khu vực khai thác là 96,41 ha; trữ lượng khai thác: 68.540.871 tấn; mức sâu khai thác tại núi Trầu đến cote -75m, tại núi Còm đến cote -68m, tại núi Chà Hang đến mức -60m; công suất khai thác: 2.800.000 tấn/năm; thời hạn khai thác là 25 năm kể từ ngày ký Giấy

phép. Mục đích khai thác đá vôi cung cấp cho Nhà máy xi măng Kiên Lương của Công ty để sản xuất xi măng.

Hiện nay Công ty đang hoàn tất các thủ tục cần thiết theo quy định để tiến hành khai thác mỏ đá vôi núi Trầu, núi Còm và núi Châu Hang (mới) theo Giấy phép (mới) số 2017/GP-BTNMT ngày 02/8/2019.

## II. KẾT QUẢ THANH TRA

### II.1. Việc thực hiện các quy định của pháp luật về khoáng sản

#### 1. Về hiện trạng hoạt động khai thác:

Công ty đã và đang khai thác tại 02 khai trường (khai trường núi Còm và khai trường núi Trầu), tổng diện tích moong khai thác tại 02 khai trường khoảng 41,25 ha, đáy moong khai thác chỗ sâu nhất tại khu vực núi Còm -35 m, tại khu vực núi Trầu -35 m (cơ bản đạt độ sâu theo quy định của Giấy phép), trong đó:

- *Khu vực núi Còm*: Công ty đã và đang khai thác trên diện tích khoảng 20 ha phần lớn nằm trong diện tích được cấp phép khai thác, tuy nhiên trong đó có khoảng 4,1 ha vượt ra ngoài ranh giới khu vực được phép khai thác (phía Đông khoảng 1,5 ha chủ yếu là diện tích bóc tầng phủ; phía Nam khoảng 2,6 ha); số tầng khai thác 3 tầng, chiều cao tầng từ 5- 10 m, chiều rộng mặt tầng từ 10 - 25 m, góc nghiêng sườn tầng khai thác khoảng trên  $70^{\circ}$ ; trình tự và hệ thống khai thác cơ bản phù hợp với thiết kế mỏ được phê duyệt;

- *Khu vực núi Trầu*: Công ty đã và đang khai thác trên diện tích khoảng 17 ha nằm trong diện tích được cấp phép khai thác, gồm 3 tầng khai thác, chiều cao tầng từ 8- 10m, chiều rộng mặt tầng từ 10 – 25 m; góc nghiêng sườn tầng khai thác khoảng trên  $70^{\circ}$ ; trình tự và hệ thống khai thác cơ bản phù hợp với thiết kế mỏ được phê duyệt;

- Công ty khai thác tại mỏ bằng phương pháp lộ thiên với công nghệ khai thác theo lớp bằng, xúc bốc, vận chuyển trực tiếp trên tầng bằng máy xúc thủy lực gầu ngược và ô tô tự đổ. Công ty tự thực hiện khâu chuẩn bị đất đá, còn các khâu bốc xúc, vận chuyển đá nguyên khai về Nhà máy Công ty thuê các đơn vị bên ngoài thực hiện.

2. Về sản lượng đá vôi khai thác thực tế hàng năm xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Đoàn thanh tra đã kiểm tra, xác minh sản lượng đá vôi khai thác thực tế hàng năm của Công ty theo từng khâu công nghệ, theo từng nguồn số liệu quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (chi tiết thể hiện trong Biên bản kèm theo), kết quả như sau:

a) *Giai đoạn sau khi Nghị định 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ có hiệu lực:*

- Năm 2014: sản lượng khoáng sản khai thác thực tế 3.333.116 tấn. vượt quá công suất được phép khai thác hàng năm ( $1.700.000$  tấn/năm) ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản 1.633.116 tấn, tương ứng 96,07%;

- Năm 2015: sản lượng khoáng sản khai thác thực tế 3.325.798 tấn. vượt quá công suất được phép khai thác hàng năm ghi trong giấy phép khai thác

khoáng sản 1.625.798 tấn, tương ứng 95,64%;

- Năm 2016: sản lượng khoáng sản khai thác thực tế 3.383.264 tấn, vượt quá công suất được phép khai thác hàng năm ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản 1.683.264 tấn, tương ứng 99,02 %.

b) *Giai đoạn sau khi Nghị định 33/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ và Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường có hiệu lực:*

- Năm 2017: sản lượng khoáng sản khai thác thực tế 3.378.571 tấn, vượt quá công suất được phép khai thác hàng năm ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản: 1.678.571 tấn, tương ứng 98,74 %;

- Năm 2018: sản lượng khoáng sản khai thác thực tế 3.357.838 tấn, vượt quá công suất được phép khai thác hàng năm ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản: 1.657.838 tấn, tương ứng 96,1 %;

- 6 tháng đầu năm 2019: sản lượng khoáng sản khai thác thực tế 1.595.261 tấn.

3. Đã lắp đặt trạm cân tại vị trí đưa khoáng sản ra khỏi khu vực khai thác phù hợp với quy định; đã lắp đặt camera giám sát tại vị trí trạm cân và khu vực kho (bãi) chứa đá nguyên liệu.

4. Công tác quản lý, sử dụng hợp lý, tiết kiệm khoáng sản, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác: Công ty quản lý và bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tốt, không để xảy ra hoạt động khai thác trái phép hoặc tranh chấp với tổ chức, cá nhân khác trong diện tích khu vực đã được cấp phép khai thác; khai thác đá vôi, để sử dụng làm nguyên liệu cho sản xuất xi măng đúng mục đích, phù hợp với dự án đầu tư và Giấy phép khai thác; sử dụng hợp lý, tiết kiệm khoáng sản; tỷ lệ tồn thắt khoáng sản trong quá trình khai thác đá vôi, là 0% ÷ 0,23% phù hợp với thiết kế mỏ được duyệt.

5. Đã cắm và bàn giao mốc tại các điểm khép góc khu vực được phép khai thác đầy đủ theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1272/GP-BTNMT ngày 29/5/2002; Hiện nay Công ty đang tiến hành cắm mốc các điểm góc khu vực được phép khai thác theo Giấy phép khai thác (mới) số 2017/GP-BTNMT ngày 02/8/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Mỏ đã đi vào khai thác từ năm 1993 theo Giấy phép khai thác số 147/Đv-Sx ngày 09/8/1993 do Cục Quản lý Tài nguyên Khoáng sản Nhà nước (trước đây) cấp, Công ty kế thừa và tiếp tục hoạt động khai thác theo các Giấy phép khai thác sau này, nên không đăng ký ngày bắt đầu XDCB mỏ, ngày bắt đầu khai thác.

7. Đã bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ đủ tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn phù hợp với quy định; có thông báo bằng văn bản về trình độ, năng lực của Giám đốc điều hành mỏ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

8. Đã thực hiện việc lập và gửi Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản và Báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản các năm 2016, 2017 và năm 2018 cho Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam theo quy định.

9. Đã lập quản lý, lưu trữ theo quy định các bản đồ hiện trạng mỏ, bản vẽ

mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác các năm 2016, 2017, 2018 và 6 tháng đầu năm 2019 theo quy định; Bản đồ hiện trạng mỏ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác có hình thức và nội dung cơ bản phù hợp theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

10. Thực hiện tốt công tác hỗ trợ địa phương nơi mỏ hoạt động, đã đóng góp quỹ vì người nghèo, quỹ khuyến học, hỗ trợ các trường, các ban ngành địa phương, sửa chữa đường, xây hồ bơi cho học sinh tập bơi, xây dựng 01 trường học cho trẻ em nghèo và 04 cây cầu .... Trong giai đoạn từ năm 2016 đến tháng 6 năm 2019 Công ty thực hiện hỗ trợ cho địa phương với tổng số tiền là 31.464.655.732 đồng.

11. Đã thực các hiện nghĩa vụ tài chính từ năm 2016 đến hết tháng 6/2019 theo quy định: Thuế tài nguyên: 118.069.400 nghìn đồng; Phí bảo vệ môi trường: 41.275.314 nghìn đồng; Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 13.204.144 nghìn đồng; Tiền thuê đất: 11.545.480 nghìn đồng; Hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản cho Nhà nước 3.709.131.000 đồng; Từ năm 2009 đến nay đã ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường: 5.173.015.231 đồng.

## **II.2. Thực hiện các quy định của pháp luật khác có liên quan**

### **1. Thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường:**

Việc thực hiện các nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 90/QĐ-BTNMT ngày 15/01/2016: (1) Chưa được Tổng cục Môi trường xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường; (2) Hàng năm, Công ty có lập và đã nộp kết quả quan trắc cho cơ quan có thẩm quyền. Các chỉ tiêu quan trắc về cơ bản đều nằm trong giới hạn cho phép theo quy định của các QCVN 05: 2013/BTNMT; QCVN 26: 2010/BTNMT; QCVN24: 2016/BYT; QDD/2002/QĐ-BYT; (3) Công ty được cấp sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại mã số: 91.000157.T cấp ngày 19/6/2015 (cấp lần 7); Nhà máy ký hợp đồng thuê đơn vị có chức năng hành nghề vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại để xử lý lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất (Hợp đồng số 010/19-DVK ngày 28/12/2018 ký với Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý; (4) Đã thực hiện đúng theo nội dung ĐTM được duyệt (có hệ thống mương dẫn thu gom và dẫn nước từ moong và xung quanh khu vực khai thác về các hố lăng, xử lý nước trước khi chảy ra môi trường; Đã trồng các cây xanh dọc hai bên các tuyến đường vận chuyển mỏ; có sử dụng xe bồn tưới nước làm ẩm mặt mỏ và các tuyến đường vận chuyển để giảm thiểu bụi phát tán).

### **2. Thực hiện pháp luật về bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN):**

Công ty được Cục Kỹ thuật An toàn, Bộ Công thương cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp số 70/GP-ATMT, cấp ngày 01/10/2015, có thời hạn tới 30/10/2020; quá trình nổ mìn khai thác đá có lập hộ chiếu nổ mìn đầy đủ, nội dung hộ chiếu cơ bản phù hợp theo mẫu quy định; có bổ nhiệm người chỉ huy nổ mìn và các công nhân nổ mìn đều có Giấy chứng nhận thợ mìn theo

quy định; các công nhân đều được huấn luyện kỹ thuật an toàn VLNCN do Cục Kỹ thuật an toàn & Môi trường công nghiệp – BCT cấp.

### **3. Thực hiện pháp luật về an toàn lao động:**

Công ty đã trang bị bảo hộ lao động cho công nhân mỏ; đã ban hành nội quy an toàn tại mỏ; đã ban hành quy trình vận hành thiết bị, xe máy; đã thực hiện việc huấn luyện ATLĐ và VSLĐ cho công nhân mỏ; đã kiểm định các thiết bị khai thác theo quy định; tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm đối với toàn bộ người lao động và 2 lần/năm đối với lao động ở môi trường độc hại, nguy hiểm; Hàng năm, đã lập và gửi Báo cáo công tác ATVS lao động Báo cáo định kỳ về tai nạn lao động theo quy định.

### **4. Thực hiện pháp luật về đất đai:**

Công ty đã ký hợp đồng thuê đất để khai thác khoáng sản với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang theo quy định; sử dụng đất thuê để khai thác khoáng sản đúng mục đích.

### **5. Thực hiện pháp luật về tài nguyên nước và xả thải:**

- Công ty không sử dụng tài nguyên nước trong hoạt động khai thác; việc xả nước thải vào nguồn nước chính là việc bơm thoát nước moong khai thác được xử lý qua hố lảng trước khi bơm xả thải ra bên ngoài.

- Công ty có sử dụng nước mặt để phục vụ cho nhà máy xi măng (Giấy phép khai thác nước mặt số 1131/GP-UBND ngày 17/5/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang);

- Giấy phép xả thải vào nguồn nước của khu vực mặt bằng mỏ và nhà máy xi măng (Giấy phép số 2029/GP-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang). Nguồn nước thải phát sinh chủ yếu trên mặt bằng khu vực mỏ đá và nhà máy được thu gom thông qua hệ thống mương gom nước mặt vào các hố lảng, nước được xử lý trong các hố lảng trước khi chảy ra môi trường (chảy ra kênh Ba Hòn và kênh Gia Lạc).

## **III. KẾT LUẬN**

### **1. Kết quả đạt được**

- Trong thời kỳ thanh tra, Công ty đã khai thác và sử dụng đá vôi cung cấp cho Nhà máy xi măng Kiên Lương của Công ty để sản xuất xi măng đúng mục đích sử dụng khoáng sản được nêu trong dự án đầu tư và Giấy phép khai thác khoáng sản. Phương pháp, trình tự và hệ thống khai thác cơ bản theo đúng thiết kế mỏ được duyệt; công tác đảm bảo an toàn lao động cho người và thiết bị được Công ty coi trọng và tuân thủ nghiêm ngặt.

- Trong quá trình hoạt động khai thác tại mỏ, Công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác. Sử dụng hợp lý, tiết kiệm khoáng sản đã khai thác; thu hồi triệt khoáng sản chính trong quá trình khai thác tại mỏ;

- Quá trình khai thác Công ty có lập sổ sách chứng từ, tài liệu kỹ thuật để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế hàng năm theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Thực hiện tương đối tốt quy định về trách nhiệm của tổ chức khai thác khoáng sản trong việc bảo vệ quyền lợi của địa phương, nhân dân địa phương nơi có mỏ khoáng sản được khai thác, nhất là trong việc hỗ trợ kinh phí cho địa phương để xây dựng các công trình công công, phúc lợi...;

- Đã hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản cho Nhà nước và nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đầy đủ theo quy định; thực hiện các nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác đầy đủ, kịp thời theo quy định.

## 2. Các tồn tại, vi phạm

- Công ty đã khai thác vượt quá công suất được phép khai thác hàng năm ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản, cụ thể như sau: (1) Năm 2016, sản lượng khoáng sản khai thác thực tế 3.383.264 tấn, vượt quá công suất được phép khai thác hàng năm ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản 1.683.264 tấn, tương ứng 99,02 %; (2) Năm 2017, sản lượng khoáng sản khai thác thực tế 3.378.571 tấn, vượt quá công suất được phép khai thác hàng năm ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản: 1.678.571 tấn, tương ứng 98,74 %; (3) Năm 2018, sản lượng khoáng sản khai thác thực tế 3.357.838 tấn, vượt quá công suất được phép khai thác hàng năm ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản: 1.657.838 tấn, tương ứng 96,1 %; (4) 6 tháng đầu năm 2019, sản lượng khoáng sản khai thác thực tế 1.595.261 tấn.

- Khai thác khoáng sản có tổng diện tích vượt ra ngoài ranh giới khu vực được phép khai thác (theo bề mặt) đến dưới 10% (thực tế khoảng 9,38%) tại khu vực Núi Còm về phía Nam và phía Đông của mỏ.

## IV. CÁC BIỆN PHÁP ĐÃ XỬ LÝ

1. Đoàn thanh tra đã lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 về 02 hành vi vi phạm: (1) Khai thác khoáng sản có tổng diện tích vượt ra ngoài ranh giới khu vực được phép khai thác (theo bề mặt) đến dưới 10% (thực tế khoảng 9,38%); (2) Khai thác vượt quá công suất được phép khai thác hàng năm nêu trong giấy phép khai thác khoáng sản từ 50% đến dưới 100% tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai đã khai thác trong năm 2018 (vượt 96,1%).

Đối với hành vi khai thác vượt quá công suất được phép khai thác hàng năm nêu trong giấy phép khai thác khoáng sản của năm 2016 và 2017, Đoàn thanh tra không lập biên bản vi phạm hành chính; Lý do: Năm 2016 đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính; năm 2017 Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam đã xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 300 triệu đồng tại Quyết định số 489/QĐ-XPVPHC ngày 15/5/2018; đến thời điểm thanh tra Công ty đã nộp phạt xong theo quy định.

2. Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 836/QĐ-XPVPHC ngày 09/10/2019 về các hành vi vi phạm nêu trên đối với Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1, với tổng số tiền xử phạt là **240.000.000 đồng**; đồng thời có Văn bản số 2702/ĐCKS-KSMN ngày

15/10/2019, đề nghị với UBND tỉnh Kiên Giang phối hợp, tiếp tục xử lý các vấn đề có liên quan đến việc thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên đối với Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1, nhằm đảm bảo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ theo quy định.

3. Đoàn thanh tra đã báo cáo kết quả thanh tra, dự thảo Kết luận thanh tra và dự thảo Công văn gửi UBND tỉnh Kiên Giang trình Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam xem xét ban hành, trong đó yêu cầu Công ty khắc phục các tồn tại, vi phạm trong lĩnh vực khoáng sản và lĩnh vực khác có liên quan; đồng thời kiến nghị với UBND tỉnh Kiên Giang chỉ đạo các Sở, ngành có liên quan xem xét, xử lý các tồn tại, vi phạm trong lĩnh vực khác có liên quan đã được nêu trong Biên bản làm việc của Đoàn thanh tra; giám sát, đôn đốc các tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính chấp hành nghiêm Quyết định xử phạt và thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định; đôn đốc các tổ chức khai thác đá vôi là đối tượng thanh tra thực hiện đầy đủ các nội dung nêu trong Kết luận thanh tra.

## V. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam yêu cầu Công ty nghiêm túc thực hiện các công việc sau đây:

- Không được khai thác vượt ra ngoài ranh giới khu vực được phép khai thác khoáng sản;
- Không được khai thác vượt quá công suất được phép khai thác hàng năm ghi trong Giấy phép khai thác khoáng sản;
- Cấm bổ sung các biển báo an toàn tại các vị trí có nguy cơ gây mất an toàn trong khu vực moong khai thác và đường vận chuyển trong khu vực mo.

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ký Kết luận thanh tra, Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 phải báo cáo Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, UBND tỉnh Kiên Giang bằng văn bản về kết quả thực hiện các yêu cầu nêu trên. Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc chậm thực hiện các yêu cầu nêu trên, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam sẽ xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật./.

### Nơi nhận:

- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- TCT Đỗ Cảnh Dương (để báo cáo);
- Thanh tra Bộ TN&MT;
- UBND tỉnh Kiên Giang (để phối hợp chỉ đạo);
- Cục KSHDKS miền Nam (để giám sát);
- Sở TN&MT tỉnh Kiên Giang;
- Cty CP xi măng Hà Tiên 1 (để t/hiện);
- VP Tổng cục (để đăng website);
- Lưu: VP, Đoàn TTr (Q.10 bản giấy).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Lại Hồng Thành

